



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý I Năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG

Tầng 8, tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 30

704
G T
PHÂN
DỰ
SCG
10

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG

Tầng 8, tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng SCG (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho Quý I năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Trường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên độc lập
Ông Lê Văn Nam	Thành viên
Ông Vũ Anh Phương	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Nam	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Tấn Quốc	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022)
Ông Lưu Trần Phước Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Song Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho Quý I năm 2022 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG

Tầng 8, tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.988.500.580.732	4.590.119.191.952
I. Tiền	110		110.904.785.695	227.281.248.385
1. Tiền	111	4	110.904.785.695	227.281.248.385
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.729.650.745.520	4.179.632.343.548
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.923.841.196.388	1.917.541.753.708
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.146.031.915.164	1.996.334.386.824
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	640.250.000.000	256.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	19.527.633.968	9.756.203.016
III. Hàng tồn kho	140	10	147.419.088.023	183.005.489.640
1. Hàng tồn kho	141		147.419.088.023	183.005.489.640
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		525.961.494	200.110.379
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	105.723.027	200.110.379
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		420.238.467	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		277.303.055.699	281.044.916.872
I. Tài sản cố định	220		9.810.234.613	9.889.065.103
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.613.519.214	8.594.483.035
- Nguyên giá	222		12.039.669.010	11.561.650.828
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.426.149.796)	(2.967.167.793)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.196.715.399	1.294.582.068
- Nguyên giá	228		1.824.000.000	1.824.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(627.284.601)	(529.417.932)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.710.299.808	2.178.823.046
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.710.299.808	2.178.823.046
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		230.000.000.000	230.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	230.000.000.000	230.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		34.782.521.278	38.977.028.723
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	34.511.497.873	38.134.007.197
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		271.023.405	843.021.526
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.265.803.636.431	4.871.164.108.824

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.134.257.387.376	3.754.635.512.450
I. Nợ ngắn hạn	310		2.477.092.274.245	2.160.078.822.218
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	548.800.579.266	735.154.849.418
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	427.843.437.292	59.316.003.394
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	74.002.677.533	183.714.846.833
4. Phải trả người lao động	314		14.144.710.493	27.964.639.207
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.214.809.910.760	1.140.500.184.163
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.315.164.344	942.805.929
7. Vay ngắn hạn	320	18	196.113.096.193	12.422.794.910
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		62.698.364	62.698.364
II. Nợ dài hạn	330		1.657.165.113.131	1.594.556.690.232
1. Vay dài hạn	338	19	1.657.165.113.131	1.594.556.690.232
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.131.546.249.055	1.116.528.596.374
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.131.546.249.055	1.116.528.596.374
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		850.000.000.000	850.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền	411a		850.000.000.000	850.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(149.600.000)	(149.600.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		271.728.425.869	257.180.048.871
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		253.407.386.665	95.552.430.285
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/kỳ trước	421b		18.321.039.204	161.627.618.586
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		9.967.423.186	9.498.147.503
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.265.803.636.431	4.871.164.108.824

ntm

Nguyễn Thị Nhàn
Người lập biểu

[Signature]
Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng




Lê Văn Nam
Tổng Giám đốc


Ngày 29 tháng 04 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho quý I năm 2022 kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Quý I Năm 2022	Quý I Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	431.613.071.572	350.416.457.500
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		431.613.071.572	350.416.457.500
3. Giá vốn hàng bán	11	22	401.819.632.462	311.179.214.660
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.793.439.110	39.237.242.840
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	49.949.749.292	11.445.697
6. Chi phí tài chính	22	25	39.851.414.384	13.199.822.901
- Trong đó: Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	23		39.256.468.885	11.003.380.357
7. Chi phí bán hàng	25		42.816.207	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	16.525.048.196	8.887.809.583
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25-26)	30		23.323.909.615	17.161.056.053
10. Thu nhập khác	31		12.265.790	47.500.000
11. Chi phí khác	32		51.810.070	20.701.894
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(39.544.280)	26.798.106
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.284.365.335	17.187.854.159
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	4.568.985.675	3.441.711.211
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	(53.147.651)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		18.768.527.311	13.746.142.948
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		18.321.039.204	13.746.142.948
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		447.488.107	-
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28		275


Nguyễn Thị Nhân
Người lập biểu


Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng


Lê Văn Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý I Năm 2022	Quý I Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.284.365.335	17.187.854.159
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	788.709.114	200.506.523
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(49.949.749.292)	(11.445.697)
Chi phí lãi vay, chi phí phát hành trái phiếu	06	39.851.414.384	13.199.822.901
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.974.739.541	30.576.737.886
Thay đổi các khoản phải thu	09	(156.826.160.986)	(1.543.336.088.968)
Thay đổi hàng tồn kho	10	32.194.934.504	72.385.812.498
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	129.298.345.576	(57.857.066.751)
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.716.896.676	628.967.596
Tiền lãi vay, chi phí phát hành trái phiếu đã trả	14	(39.256.468.885)	(13.415.190.686)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(809.919.014)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(17.707.632.588)	(1.511.016.828.425)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(709.878.624)	(358.213.894)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(384.250.000.000)	(230.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40.587.269.839	11.445.697
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(344.372.608.785)	(230.346.768.197)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay, phát hành trái phiếu	33	245.703.778.683	1.849.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	245.703.778.683	1.849.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(116.376.462.690)	107.636.403.378
Tiền đầu kỳ	60	227.281.248.385	48.400.573.704
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	110.904.785.695	156.036.977.082

Nguyễn Thị Nhân
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Lê Văn Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng SCG (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108704763 ngày 17 tháng 4 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 8 năm 2021.

Theo Quyết định số 515/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty đã được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch và đưa cổ phiếu của Công ty vào giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 606 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 637).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ, xây dựng công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, các công trình thủy, công trình khai khoáng, chế biến, chế tạo và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Tư vấn thiết kế, kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Các hoạt động thương mại khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, thiết kế, kiến trúc và tư vấn kỹ thuật, thiết kế nội thất chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường theo thời gian thi công của các công trình/dự án.

Đối với các hoạt động kinh doanh còn lại, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con trực tiếp					
1.	Công ty Cổ phần Sunshine - Design	Tầng 09, Tòa nhà Sunshine Center, Số 16 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	95%	95%	Thiết kế, kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
2.	Công ty Cổ phần S - Decoro	Tầng 03, Tòa nhà Sunshine Center, Số 16 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	90%	90%	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; hoạt động thương mại

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán và năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho Quý I năm 2022.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong Quý I năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho Quý I năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt

động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong số dư hàng tồn kho phản ánh chi phí các công trình Công ty đang thực hiện dở dang, chưa hoàn thành đến cuối kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, các chi phí phục vụ thi công tại các dự án, chi phí thuê văn phòng, chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng được phân bổ vào giá trị dự án với thời gian không vượt quá thời gian dự kiến thực hiện dự án và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng bảo hành công trình được ghi nhận tương ứng với doanh thu lũy kế của công trình mà Công ty có nghĩa vụ bảo hành cho khách hàng.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trong trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu bán hàng và dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư, cho vay được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	5.901.652.855	33.588.179.814
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	105.003.132.840	193.693.068.571
	110.904.785.695	227.281.248.385

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Tại ngày 31/03/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (i)	230.000.000.000	230.000.000.000	230.000.000.000	230.000.000.000
	230.000.000.000	230.000.000.000	230.000.000.000	230.000.000.000

- (i) Khoản trái phiếu nắm giữ tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 với tổng số lượng là 2.300.000 trái phiếu có kỳ hạn 3 năm với lãi suất 9.53%/năm, do Công ty mua của Công ty Cổ phần Roman E&C - bên liên quan của Công ty theo Hợp đồng số 26032021/HĐĐM/RM-SCG ngày 26 tháng 3 năm 2021.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Và Xây Dựng Thành Đô	196.003.390.481	73.152.518.000
Công ty TNHH Kinh doanh & Dịch vụ Hòn Ngọc Việt	121.531.405.919	121.531.405.919
Công ty Cổ phần Xây dựng V-Pro	109.291.983.890	43.057.491.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Miền Bắc	106.988.785.049	106.988.785.049
Công ty Cổ phần Tư vấn và Giám sát công trình Xây dựng APAC	94.164.600.000	94.164.600.000
Công ty Cổ phần bất động sản Quảng Phú	73.028.661.092	-
Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Trường Giang	61.276.604.000	61.276.604.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Đại Hưng Thịnh	51.913.372.000	51.913.372.000
Các đối tượng khác	146.828.155.087	138.918.172.691
	961.026.957.518	691.002.948.659
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	962.814.238.870	1.226.538.805.049
	1.923.841.196.388	1.917.541.753.708

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng V-Pro (*)	691.345.495.224	683.029.495.224
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Miền Bắc (*)	500.000.000.000	500.000.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư XD và KD TM Hoàng An (*)	392.813.000.000	387.549.000.000
Công ty TNHH Ngôi nhà Việt Viethome	73.379.248.288	56.298.269.290
Công ty Cổ phần Eurowindow	45.789.018.749	40.747.440.497
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-Mart	33.807.598.248	33.807.598.248
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật cơ điện lạnh R.E.E	25.212.055.119	25.212.055.119
Nhà cung cấp khác	189.843.967.153	161.112.175.595
	1.952.190.382.781	1.887.756.033.973
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	193.841.532.383	108.578.352.851
	2.146.031.915.164	1.996.334.386.824

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng DAT	256.000.000.000	256.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Đại Hưng Thịnh	39.250.000.000	-
	295.250.000.000	256.000.000.000
b. Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	345.000.000.000	-
	640.250.000.000	256.000.000.000

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng DAT	13.898.575.343	6.955.013.699
Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Đại Hưng Thịnh	70.972.603	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.945.452.641	1.604.718.858
Đặt cọc	205.000.000	-
Phải thu khác	1.059.688.175	1.196.470.459
	17.179.688.762	9.756.203.016
b. Phải thu khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	2.347.945.206	-
	19.527.633.968	9.756.203.016

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 31/03/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	121.415.830.404	-	157.634.837.063	-
Hàng hóa	26.003.257.619	-	25.370.652.577	-
	147.419.088.023	-	183.005.489.640	-

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng, thi công thiết kế, thi công nội thất. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo các công trình như sau:

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Dự án công trình Sunshine Crystal River (CT01)	41.628.297.341	40.888.383.759
Dự án các văn phòng giao dịch KSF	15.683.890.730	40.525.195.421
Dự án Sunshine Center	6.787.627.147	7.314.605.808
Dự án Sunshine Empire	1.081.484.655	2.653.101.402
Dự án Khu nhà ở cao tầng Phú Thuận (E2)	564.884.563	27.322.935.192
Dự án Khu nhà ở Phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (E3)	848.451.713	3.947.713.631
Dự án Sunshine Heritage Phúc Thọ	598.223.359	1.517.480.707
Các dự án khác	54.222.970.896	33.465.421.143
	121.415.830.404	157.634.837.063

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ khác	105.723.027	200.110.379
	105.723.027	200.110.379
b. Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng	26.622.400.000	28.753.600.000
Công cụ, dụng cụ phục vụ thi công	4.985.927.973	6.210.402.021
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	1.023.652.041	962.422.338
Công cụ, dụng cụ khác	1.879.517.859	2.207.582.838
	34.511.497.873	38.134.007.197

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	416.000.000	4.993.441.737	6.152.209.091	11.561.650.828
Mua trong kỳ	-	478.018.182	-	478.018.182
Tại ngày 31/03/2022	416.000.000	5.471.459.919	6.152.209.091	12.039.669.010
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	140.903.231	1.688.904.773	1.137.359.789	2.967.167.793
Trích khấu hao trong kỳ	17.333.334	311.071.626	130.577.043	458.982.003
Tại ngày 31/03/2022	158.236.565	1.999.976.399	1.267.936.832	3.426.149.796
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	275.096.769	3.304.536.964	5.014.849.302	8.594.483.035
Tại ngày 31/03/2022	257.763.435	3.471.483.520	4.884.272.259	8.613.519.214

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2022	1.824.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-
Tại ngày 31/03/2022	1.824.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2022	529.417.932
Khấu hao trong kỳ	97.866.669
Tại ngày 31/03/2022	627.284.601
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2022	1.294.582.068
Tại ngày 31/03/2022	1.196.715.399

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Fountech	118.481.981.661	118.481.981.661	125.627.649.171	125.627.649.171
Công ty Cổ phần Kỹ thuật SIGMA	19.308.163.809	19.308.163.809	34.672.037.954	34.672.037.954
Công ty TNHH Bê tông Xây dựng Việt Đức	22.286.043.900	22.286.043.900	32.500.719.800	32.500.719.800
Công ty TNHH Việt Đức	-	-	26.484.107.000	26.484.107.000
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư xây dựng	13.155.958.755	13.155.958.755	23.134.267.811	23.134.267.811
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	19.167.049.109	19.167.049.109	22.907.262.273	22.907.262.273
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thành Nhung	15.366.293.693	15.366.293.693	20.758.907.056	20.758.907.056
Các đối tượng khác	327.740.243.838	327.740.243.838	433.804.315.973	433.804.315.973
	535.505.734.765	535.505.734.765	719.889.267.038	719.889.267.038
b. Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết ở thuyết minh số 29)	13.294.844.501	13.294.844.501	15.265.582.380	15.265.582.380
	548.800.579.266	548.800.579.266	735.154.849.418	735.154.849.418

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại S - Mart	345.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính Công nghệ Umee	2.647.181.250	-
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	-	980.000.000
Các đối tượng khác	46.169.500	155.012.504
	155.012.679	-
	347.848.363.429	1.135.012.504
b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	79.995.073.863	58.180.990.890
	427.843.437.292	59.316.003.394

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã bù trừ/ thực nộp trong kỳ	Tại ngày 31/03/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	142.076.502.866	25.950.923.113	136.964.137.991	31.063.287.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.513.613.552	4.568.985.675	809.919.014	42.272.680.213
Thuế thu nhập cá nhân	3.124.730.415	2.893.943.048	5.351.964.131	666.709.332
Thuế nhà thầu	-	674.617.531	674.617.531	-
Các loại thuế khác, khoản khác	-	102.050.214	102.050.214	-
	183.714.846.833	34.190.519.581	143.902.688.881	74.002.677.533

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
a. Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng (i)	1.214.312.457.839	1.140.040.906.197
Trong đó:		
Dự án Sunshine Heritage Phúc Thọ	250.502.631.579	247.532.643.610
Dự án khu biệt thực cao cấp và du lịch nghỉ dưỡng đồi Hòn Rơm	155.442.105.263	197.442.105.263
Dự án - E2 Cọc tường vây	132.000.000.000	137.000.000.000
Dự án Sunshine Sky Villas - Cao tầng (CT02A)	101.000.000.000	112.551.693.972
Dự án Sunshine Capital Tây Thăng Long	75.000.000.000	77.179.777.993
Dự án Sunshine Empire	97.598.000.000	70.459.637.695
Dự án E3	40.000.000.000	69.269.675.213
Khu nhà ở cao tầng Phú Thuận (E2)	74.500.000.000	63.675.085.525
Dự án The Empire - Cocobay	23.093.200.000	53.373.518.727
Dự án các văn phòng giao dịch KSF	40.242.520.997	40.539.474.101
Dự án Sunshine Green Iconic	30.000.000.000	32.366.441.715
Dự án Sunshine Capital Thanh Hóa	67.000.000.000	-
Dự án Heritage Đà Nẵng	104.000.000.000	-
Các dự án khác	23.934.000.000	38.650.852.383
b. Chi phí lãi vay phải trả	497.452.921	459.277.966
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	497.452.921	459.277.966
	1.214.809.910.760	1.140.500.184.163

- (i) Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng là phần trích trước cho các chi phí đã phát sinh tương ứng với các phần công việc, hạng mục công trình đã nghiệm thu trong kỳ.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại ngày 01/01/2022		Trong năm		Tại ngày 31/03/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Công ty TNHH Đầu tư Thiên Long Việt (i)						
	Giá trị	khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	-	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000	150.000.000.000
	-	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000	150.000.000.000
b. Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	12.422.794.910	12.422.794.910	33.690.301.283	-	46.113.096.193	46.113.096.193
	12.422.794.910	12.422.794.910	33.690.301.283	-	46.113.096.193	46.113.096.193
Tổng cộng	12.422.794.910	12.422.794.910	183.690.301.283	-	196.113.096.193	196.113.096.193

(i) Phản ánh khoản vay vốn ngắn hạn không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng số 2903/HDCV/SCG-TLV ngày 29 tháng 03 năm 2022 giữa Công ty TNHH đầu tư Thiên Long Việt và Công ty với giá trị là 150.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động, có thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất cho vay là 6%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Toàn bộ nợ gốc và nợ lãi của khoản vay sẽ được thanh toán vào ngày kết thúc kỳ hạn vay hoặc thỏa thuận giữa hai bên (nếu có).

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại ngày 01/01/2022		Tại ngày 31/03/2022	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
				Giá trị
				Số có khả năng trả nợ
a. Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (i)	99.382.359.280	99.382.359.280	95.703.778.683	33.690.301.283
	99.382.359.280	99.382.359.280	95.703.778.683	161.395.836.680
b. Trái phiếu phát hành				
- Mệnh giá trái phiếu phát hành (ii)	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	-	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(4.825.669.048)	(4.825.669.048)	-	(594.945.499)
	1.495.174.330.952	1.495.174.330.952	-	(594.945.499)
Tổng cộng	1.594.556.690.232	1.594.556.690.232	95.703.778.683	33.095.355.784
				1.657.165.113.131

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	12.422.794.910	46.113.096.193
- Số phải trả sau 12 tháng	1.594.556.690.232	1.657.165.113.131

(i) Phần ảnh các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo Thông báo cấp tín dụng số 15/TB-SHB ngày 15 tháng 7 năm 2021 và các hợp đồng tín dụng trung dài hạn cụ thể giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Công ty, hạn mức cho vay 2.700.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng khoản vay để tài trợ các chi phí tư vấn, quản lý dự án, đầu tư xây dựng và lắp đặt toàn bộ cho dự án và các chi phí hợp lý khác liên quan đến dự án; phát hành bảo lãnh; mở L/C để thực hiện dự án khu nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp The Empire với thời hạn cấp tín dụng tối đa 36 tháng đối với Khu biệt thự cao cấp, tối đa 48 tháng kể từ thời điểm giải ngân đối với các hạng mục còn lại, ân hạn gốc 14 tháng, sau thời gian ân hạn trả gốc 3 tháng/lần, lãi trả 03 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng với lãi suất được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi toàn bộ các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng chia khóa trao tay số 01/HĐTC/TĐ-SCG ký ngày 10 tháng 7 năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô (Bên có nghĩa vụ trả nợ) và các Phụ lục/văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng này).

(ii) Phần ảnh khoản trái phiếu phát hành cho đơn vị phát hành trái phiếu, đại lý lưu ký trái phiếu, Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS nhằm mục đích tăng quy mô vốn hoạt động và/hoặc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư. Trái phiếu được đảm bảo thanh toán bởi giá trị cổ phần tại Công ty Cổ phần Sunshine Homes thuộc sở hữu của các cá nhân và pháp nhân là bên liên quan của Công ty. Trái phiếu có lãi suất 11% trong bốn kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ sau là tổng của 4% và lãi suất tham chiếu theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán trái phiếu. Thời hạn của trái phiếu là 36 tháng (từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến 31 tháng 12 năm 2023). Kỳ thanh toán lãi 03 tháng/lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần KS Group – bên liên quan của Công ty đang nắm giữ tổng giá trị mệnh giá trái phiếu là 1.009.250.300.000 VND (Thuyết minh số 29).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	196.113.096.193	12.422.794.910
Trong năm thứ hai	1.589.609.548.438	1.544.865.510.591
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	67.555.564.693	49.691.179.641
	1.853.278.209.324	1.606.979.485.142
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	196.113.096.193	12.422.794.910
	1.657.165.113.131	1.594.556.690.232

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến 31 tháng 12 năm 2021					
Tại ngày 01/01/2021	500.000.000.000	-	95.552.430.285	-	595.552.430.285
Tăng vốn trong năm	350.000.000.000	-	-	-	350.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	(149.600.000)	161.627.618.586	1.125.489.411	162.603.507.997
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	8.372.658.092	8.372.658.092
Tại ngày 31/12/2021	850.000.000.000	(149.600.000)	257.180.048.871	9.498.147.503	1.116.528.596.374
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến 31 tháng 03 năm 2022					
Tại ngày 01/01/2022	850.000.000.000	(149.600.000)	257.180.048.871	9.498.147.503	1.116.528.596.374
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	18.321.039.204	447.488.107	18.768.527.311
Biến động khác	-	-	(3.772.662.206)	21.787.576	(3.750.874.630)
Tại ngày 31/03/2022	850.000.000.000	(149.600.000)	271.728.425.869	9.967.423.186	1.131.546.249.055

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0108704763 ngày 17 tháng 4 năm 2019, sửa đổi lần thứ năm ngày 30 tháng 8 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 850.000.000.000 VND.

Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	85.000.000	50.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>85.000.000</i>	<i>50.000.000</i>
<i>Mệnh giá</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85.000.000	50.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>85.000.000</i>	<i>50.000.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	362.197.737.382	350.416.457.500
Doanh thu thiết kế, thi công nội thất	20.687.171.824	-
Doanh thu bán hàng hóa	48.728.162.366	-
	431.613.071.572	350.416.457.500
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	61.748.913.458	336.612.553.863

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	339.033.682.487	311.179.214.660
Giá vốn thiết kế, thi công nội thất	14.322.290.488	-
Giá vốn hàng hóa	48.463.659.487	-
	401.819.632.462	311.179.214.660

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.105.373.140	152.565.113.313
Chi phí nhân công	27.550.750.277	34.865.492.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.505.023.115	46.197.822.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	524.689.716	200.506.523
Chi phí khác	33.813.441.591	13.852.276.758
	301.499.277.839	247.681.211.745

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Lãi ứng trước hợp đồng (*)	35.151.780.822	-
Lãi đầu tư trái phiếu	5.404.684.932	-
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	9.393.283.538	11.445.697
	49.949.749.292	11.445.697
Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	42.904.410.960	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(i) Phản ánh lãi phát sinh từ khoản tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng thi công xây dựng số 2107/HĐTC/SSMarrina-SCG ngày 21 tháng 7 năm 2020 và các Phụ lục kèm theo giữa Công ty (Bên nhận thầu) và Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang (Bên giao thầu) về việc “Thiết kế, tư vấn, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình”, thuộc dự án Tổ hợp căn hộ cao cấp – TTTM – Khách sạn Russia (Sunshine Marina Nha Trang) tại 32 Trần Phú, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Theo Phụ lục Hợp đồng số 02 ngày 28 tháng 12 năm 2020, mức lãi suất là 11%/năm tính trên số tiền tạm ứng mà Bên giao thầu chậm (giãn) thanh toán. Thời hạn chốt lãi là 06 tháng cho kỳ trả lãi đầu tiên và 03 tháng/lần cho các kỳ tiếp theo. Bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán tiền lãi trong vòng không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày chốt lãi. Trong Quý I năm 2022, toàn bộ lãi phát sinh đã được thanh toán đầy đủ.

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Chi phí lãi trái phiếu	35.247.945.205	9.215.820.686
Chi phí lãi vay	4.008.523.680	1.787.559.671
Chi phí phát hành trái phiếu	594.945.499	2.196.442.544
	39.851.414.384	13.199.822.901
Trong đó: Chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	23.715.999.515	7.896.074.506

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	11.283.850.614	6.669.921.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.579.014.641	600.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ và các khoản phân bổ	266.153.664	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.709.729	73.224.620
Các chi phí khác	2.207.319.548	1.544.663.077
	16.525.048.196	8.887.809.583

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của Quý I năm 2022	4.811.961.379	3.441.711.211
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2021 được giảm theo chính sách hỗ trợ Covid của Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15	(242.975.704)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.568.985.675	3.441.711.211

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	<u>Quý I/2022</u>	<u>Quý I/2021</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(53.147.651)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn	<u>(53.147.651)</u>	<u>-</u>

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Quý I/2022</u>	<u>Quý I/2021</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.321.039.204	13.746.142.948
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	85.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>216</u>	<u>275</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty và các công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho Quý I năm 2022 và Quý I năm 2022 do Đại hội đồng Cổ đông của Công ty và các công ty con chưa quyết định tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho Quý I năm 2022 và Quý I năm 2020. Nếu Công ty và các công ty con trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn KFinance	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ bất động sản An Hưng	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý và vận hành S-Service	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Roman E&C	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và dịch vụ Sunshine Mart	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sunshine Landscape	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Fulland	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản S - Việt Nam	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Địa Ốc Việt Nam	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần KS Group	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý vận hành Khách sạn và Khu nghỉ dưỡng Matterhorn	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ Nanochip	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Chứng Khoán KS	Cùng Cổ đông lớn/cùng thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	36.964.960.302	131.433.330.895
Công ty Cổ phần Sunshine Landscape	11.620.554.750	-
Công ty Cổ phần Quản lý vận hành Khách sạn và Khu nghỉ dưỡng Matterhorn	5.224.360.047	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFinance	2.697.065.708	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.009.444.458	-
Công ty Cổ phần kinh doanh Bất động sản S - Việt Nam	1.986.860.326	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	-	129.855.498.111
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	1.245.667.867	31.452.135.455
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ bất động sản An Hưng	-	38.118.579.493
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	-	5.753.009.909
	61.748.913.458	336.612.553.863
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và dịch vụ Sunshine Mart	1.017.635.771	-
Công ty Cổ phần Quản lý và vận hành S-Service	288.060.000	-
Công ty Cổ phần kinh doanh Bất động sản S - Việt Nam	205.475.806	-
	1.511.171.577	-
Thu nợ gốc cho vay		
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa (*)	-	9.950.000.000
	-	9.950.000.000
Mua trái phiếu		
Công ty Cổ phần Roman E&C	-	230.000.000.000
	-	230.000.000.000
Doanh thu tài chính		
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	37.499.726.028	-
Công ty Cổ phần Roman E&C	5.404.684.932	-
	42.904.410.960	-
Chi phí tài chính		
Công ty Cổ phần KS Group	23.715.999.515	7.896.074.506
	23.715.999.515	7.896.074.506

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	748.703.490.974	793.781.333.848
Công ty Cổ phần kinh doanh Bất động sản S - Việt Nam	83.053.923.518	81.048.730.269
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Địa Ốc Việt Nam	62.126.379.215	62.126.379.215
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	18.086.765.000	92.281.741.562
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ bất động sản An Hưng	11.354.186.020	11.354.186.020
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	9.973.598.000	127.968.477.038
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	7.560.443.077	7.560.443.077
Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFinance	5.845.979.567	3.933.148.602
Công ty Cổ phần Quản lý vận hành Khách sạn và Khu nghỉ dưỡng Matterhorn	5.642.308.851	-
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	3.892.592.000	9.293.592.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	1.892.380.978	3.133.476.959
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Fulland	1.748.883.000	1.748.883.000
Công ty Cổ phần Đầu tư KSFinance (*)	-	1.477.145.501
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Uniclass - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.704.108.301	804.203.799
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	1.072.053.410	29.869.917.200
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Uniclass	157.146.959	157.146.959
	962.814.238.870	1.226.538.805.049
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản S - Việt Nam	180.033.940.299	100.132.667.527
Công ty Cổ phần công nghệ Nanochip	5.678.772.760	5.678.772.760
Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFinance	4.644.720.000	4.644.720.000
Công ty Cổ phần Quản lý và vận hành S-Service	3.484.099.324	3.800.965.324
	193.841.532.383	114.257.125.611
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	345.000.000.000	-
	345.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	2.347.945.206	-
	2.347.945.206	-
Đầu tư trái phiếu		
Công ty Cổ phần Roman E&C	230.000.000.000	230.000.000.000
	230.000.000.000	230.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicolor	6.952.305.455	7.806.173.991
Công ty Cổ phần Sunshine Landscape	4.062.379.405	6.512.379.405
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và dịch vụ Sunshine Mart	1.745.162.119	633.784.995
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản S - Việt Nam	534.997.522	313.243.989
	13.294.844.501	15.265.582.380
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	48.755.702.142	-
Công ty Cổ phần Sunshine Landscape	15.073.807.750	26.821.045.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	11.664.120.962	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFinance	2.518.646.580	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	980.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng Khoán KS	789.566.963	-
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	213.229.466	213.229.466
Công ty Cổ phần Đầu tư KSFinance (*)	-	29.063.153.822
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicolor - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	1.083.562.602
	79.995.073.863	58.180.990.890
Giá trị trái phiếu phát hành		
Công ty Cổ phần KS Group	1.009.250.300.000	1.009.250.300.000
	1.009.250.300.000	1.009.250.300.000

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư KSFinance và Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa không còn là bên liên quan của Công ty.

Tổng thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ kế toán như sau:

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Ông Lê Văn Nam	375.000.000	373.263.889
Ông Lưu Trần Phước Đức	195.000.000	194.097.222
Ông Huỳnh Tấn Quốc	226.666.667	253.819.444
Ông Nguyễn Khắc Trung	300.000.000	-
Ông Lê Thanh Tịnh	255.000.000	-
Đặng Song Hải	94.444.444	-
	1.446.111.111	821.180.555

Trong Quý I năm 2022, Công ty không chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SCG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm số tiền 755.663.066 VND là số tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán trong kỳ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên khoản mục Tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Nhàn
Người lập biểu



Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Lê Văn Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2022

